CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

MCCB (APTOMAT) loại 2 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Gía list**
NF63-CV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	7,5	699,000
NF125-CV	50,60,63,75,80,100,125	30	1,240,000
NF250-CV	100,125,150,175,200,225,250	36	2,332,000
NF400-CW	250,300,350,400	50	6,449,000
NF630-CW	500,600,630	50	11,638,000
2Pha _ Loại Tiêu Chuẩn			
NF32-SV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32	7,5	713,000
NF63-SV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	15	795,000
NF125-SV	15,16,20,30,32,40,50,60,63,75,80,100,125	50	1,751,000
NF250-SV	100,125,150,160	85	3,675,000
	175,200,225,250		3,882,000
NF250-HV	100,125,150,160,175,200,225,250	100	4,600,000
NF400-SW	250,300,350,400	85	9,148,000
NF630-SW	500,600,630	85	12,402,000
2Pha _ Loại Dòng Cắt Ngắn Mạch Cao			
NF63-HV	10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	25	878,000
NF125-SGV	16-20,20-25,25-32,32-40,	85	2,948,000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj		
NF160-SGV	125-160.Adj	85	3,835,000
NF250-SGV	125-160, 140-200,175-250.Adj	85	4,984,000
NF125-LGV	16-20,20-25,25-32,32-40	90	3,687,000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj		
NF160-LGV	125-160.Adj	90	4,600,000
NF250-LGV	125-160,140-200,175-250.Adj	90	5,981,000
NF125-HV	15,16,20,30,32,40,50,63,75,80,100,125	100	2,720,000
NF125-HGV	16-20,20-25,25-32,32-40,	100	4,249,000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj		
NF160-HGV	125-160.Adj	100	5,525,000
NF250-HGV	125-160,140-200,175-250.Adj	100	7,179,000

MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Gía list**
3 Pha _ Loại Kinh Tế			
NF63-CV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	5	941,000
NF125-CV	50,60,63,75,80,100,125	10	1,654,000
NF250-CV	100,125,150,175,200,225,250	25	2,859,000
NF400-CW	250,300,350,400	36	6,769,000
NF630-CW	500,600,630	36	12,172,000
NF800-CEW	800	36	21,216,000
3 Pha _ Loại Tiêu Chuẩn			
NF32-SV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32	5	976,000
NF63-SV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	7,5	1,052,000
NF125-SV	15,16,20,30,32,40,50,60,63,75,80,100,125	30	2,256,000
NF125-SGV	16~20,20~25,25~32,32~40.Adj 35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj	36	3,687,000
NF160-SGV	125-160.Adj	36	4,793,000
NF125-SGV	125-160.Adj	36	6,132,000
NF250-SV	100,125,150,160	36	3,911,000
	175,200,225,250		4,191,000
NF250-SGV	125-160,140-200,175-250	36	6,132,000
NF125-SEV	16-32,32-63,63-125.Adj	36	11,066,000

* Giá chưa bao gồm VAT 10% (Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)

MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Gía list**
NF250-SEV	80-160,125-250	36	13,788,000
NF400-SW	250,300,350,400	45	9,485,000
NF630-SW	500,600,630	50	12,708,000
NF400-SEW	400	50	15,005,000
NF630-SEW	630	50	18,054,000
NF800-SEW	800	50	21,442,000
NF1000-SEW	1000	85	44,120,000
NF1250-SEW	1250	85	47,393,000
NF1600-SEW	1600	85	62,600,000
3Pha _ Loại Dòng Cắt Ngắn Mạch Cao			
NF63-HV	10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	10	1,188,000
NF125-HV	15,16,20,30,32,40,50,60,63,75,80,100,125	50	3,739,000
NF250-HV	125,150,160	75	4,600,000
	175,200,225,250		4,941,000
NF125-LGV	16~20,20~25,25~32,32~40.Adj	36	8,261,000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj	50	
NF160-LGV	125-160	50	8,812,000
NF250-LGV	125-160	36	9,501,000
	140-200,175-250	50	
NF125-HGV	16-20,20-25,25-32,32-40	75	9,501,000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj		
NF160-HGV	125-160	75	9,936,000
NF250-HGV	125-160,140-200,175-250	75	10,407,000
NF125-HEV	16-32,32-63,63-125.Adj	75	15,275,000
NF250-HEV	80-160,125-250	75	16,278,000
NF400-HEW	400	70	16,527,000
NF630-HEW	630	70	19,821,000
NF800-HEW	800	70	25,774,000
NF400-REW	350,400	125	25,687,000
NF630-REW	500	125	26,548,000
	630		27,259,000
NF800-REW	800	125	35,871,000
NF125-RGV	16~20, 20~25, 25~32, 32~40, 40~50, 50~63 63~80, 80~100, 100~125	150	16,108,000
NF250-RGV	125~160,160~200,200~250	150	22,285,000

MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Gía list**
4Pha _ Loại Tiêu Chuẩn			
NF63-SV	3,4,5,6,10,15,16,20,25,30,32,40,50,60,63	7,5	1,409,000
NF125-SV	15,16,20,30,32,40,50,60,63,75,80,100,125	30	3,716,000
NF125-SGV	16-20,20-25,25-32,32-40, 35-50,45-63,56-80,70-100,90-125.Adj	36	7,002,000
NF160-SGV	125-160	36	6,711,000
NF125-SEV	16-32,32-63,63-125	36	15,854,000
NF250-SV	100,125,150,160	36	6,245,000
	175,200,225,250		6,948,000
NF250-SGV	125-160,140-200,175-250	36	8,584,000
NF-250SEV	80-160,125-250	36	15,504,000
NF400-SW	250,300,350,400	45	13,085,000
NF630-SW	500,600,630	50	18,748,000
NF400-SEW	400	50	24,181,000
NF630-SEW	630	50	26,471,000

CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha

Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá list
4P _ Loại Tiêu Chuẩn			
NF800-SEW	800	50	32.922.000
NF1000-SEW	1000	85	55.134.000
NF1250-SEW	1250	85	69.351.000
NF1600-SEW	1600	85	87.699.000
4P _ Loại Dòng Cắt Ngắn Mạch Cao			
NF125-HV	15,16,20,30,32,40,50,60,63,75,80,100,125	50	5.172.000
NF125-LGV	16-20,20-25,25-32,32-40,	36	11.520.000
	35-50,45-63,56-80,70-100,90-125	50	
NF160-LGV	125-160	50	12.288.000
NF250-LGV	125-160	36	13.249.000
	140-200,175-250	50	11.520.000
NF125-SEV	16-32,32-63,63-125	36	15.854.000
NF250-SEV	80-160,125-250	36	15.504.000
NF125-HGV	16-20,20-25,25-32,32-40	75	11.402.000
NF160-HGV	125-160	75	12.158.000
NF125-HEV	16-32,32-63,63-125	75	24.395.000
NF250-HV	125,150,160	75	10.471.000
	175,200,225,250		11.856.000
NF250-HGV	125-160A, 140-200A, 175-250	75	14.228.000
NF250-HEV	80-160A, 125-250	75	27.327.000

Phụ kiện dùng cho MCCB và ELCB

Tên hàng	Lắp cho	Vị trí lắp	Giá list
SHT			
SHTA240-05SVR (220V)	NF32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	Phải	1.548.000
SHTA550-05SVR (380V)			1.548.000
SHTA240-05SVL (220V)	NV32-SV, 63-CV/SV/HV, 125 CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	Trái	1.548.000
SHTA550-05SVL (380V)			1.471.000
SHT-4SW	NF400/630/800CW/SW/HW /SEW/HEW	Trái/Phải	1.320.000
	NV400/630/800CW/SW/HW/SEW/HEW	Trái	
Tiếp điểm phụ và tiếp điểm cảnh báo, kiểu đấu dây Flying lead			
ALAX-05SV	NF32-SV,63-CV/SV/ HV,125,160, 250	Trái/Phải	1.798.000
	NV32-SV, 63, 125, 250	Trái	
ALAX-4SWL	NF/NV400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	Trái	1.165.000

ELCB (CB bảo vệ dòng rò)

Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá list
2P _ Loại Kinh Tế (Dòng rò 30mA)			
NV63-CV	5,10,15,20,30,40,50,60,63	7,5	2.111.000
2P _ Loại Tiêu chuẩn (Dòng rò 30mA)			
NV63-SV	5,10,15,20,30,40,50,63	15	2.835.000
	60		2.753.000
3P _ Loại Kinh Tế (Dòng rò 30/1.2.500mA)			
NV63-CV	5,10,15,20,30,40,50,60,63	5	2.256.000
NV125-CV	60,75,100,125	10	3.685.000
NV250-CV	125,150,175,200,225,250	25	6.075.000
NV400-CW	250,300,350A,400	36	14.127.000
3P _ Loại Tiêu Chuẩn (Dòng rò 30/1.2.500mA)			
NV32-SV	5,10, 15, 20, 30, 32	5	2.729.000
NF63-SV	5,10,15,20,30,40,50,60,63	7,5	2.878.000
NV125-SV	15,20,30,40,50,60,75,100,125	30	7.845.000
NV250-SV	125,150,175,200,225,250	36	9.473.000
NV400-SW	250,300,350,400	45	25.958.000
NV400-SEW	400	50	33.774.000
NV630-SW (1.2.500mA)	500,600,630	50	48.482.000
NV630-SEW (1.2.500mA)	630	50	45.849.000
3P_Loại Dòng cắt Ngắn Mạch Cao (Dòng rò 30/1.2.500mA)			
NV63-HV	15,20,30,40,50,60,63	10	5.115.000
NV630-HEW (1.2500mA)	630	70	55.059.000
NV800-HEW (1.2500mA)	800	70	74.459.000
4P _ Loại Tiêu Chuẩn (Dòng rò 30/1.2.500mA)			
NV125-SV	15,20,30,40,50,60,75,100,125	30	14.431.000
NV250-SV	125,150,175,200,225,250	36	14.548.000
NV400-SEW (1.2.500mA)	400	50	42.158.000
4P _ Loại Dòng Cắt Ngắn Mạch Cao (Dòng rò 30/1.2.500mA)			
NV125-HV	15,20,30,40,50,60,75,100,125	50	19.336.000
NV125-HEV (1.2.500mA)	125	75	52.296.000
NV250-HV (1.2.500mA)	150,175,200,225,250	75	20.019.000
NV400-HEW	400	70	49.518.000

* Giá chưa bao gồm VAT 10% (Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)

CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

MCB (CB tép) Loại 6KA 230/400VAC

Tên hàng	Pha	In (A)	KA	Giá list
BH-D6	1P	0.5, 1, 1.6, 2	6	267.000
BH-D6	1P	3, 4, 6	6	156.000
BH-D6	1P	10,13,16,20	6	111.000
BH-D6	1P	25,32	6	124.000
BH-D6	1P	40	6	143.000
BH-D6	1P	50	6	186.000
BH-D6	1P	63	6	210.000
BH-D6	1P+N	0.5, 1, 1.6, 2	6	494.000
BH-D6	1P+N	3, 4, 6	6	353.000
BH-D6	1P+N	10, 13, 16, 20	6	255.000
BH-D6	1P+N	25,32	6	284.000
BH-D6	1P+N	40	6	347.000
BH-D6	2P	0.5, 1, 1.6, 2	6	520.000
BH-D6	2P	3, 4, 6	6	374.000
BH-D6	2P	10,13,16,20	6	267.000
BH-D6	2P	25,32	6	302.000
BH-D6	2P	40	6	368.000
BH-D6	2P	50	6	436.000
BH-D6	2P	63	6	466.000
BH-D6	3P	0.5, 1, 1.6, 2	6	798.000
BH-D6	3P	3, 4, 6	6	575.000
BH-D6	3P	10,13,16,20	6	473.000
BH-D6	3P	25,32	6	520.000
BH-D6	3P	40	6	584.000
BH-D6	3P	50	6	655.000
BH-D6	3P	63	6	697.000
BH-D6	4P	0.5, 1, 1.6, 2	6	1.089.000
BH-D6	4P	3, 4, 6	6	813.000
BH-D6	4P	10, 13, 16, 20	6	648.000
BH-D6	4P	25, 32	6	704.000
BH-D6	4P	40	6	809.000
BH-D6	4P	50, 63	6	911.000

MCB (CB tép) Loại 10KA 230/400VAC

Tên hàng	Pha	In (A)	KA	Giá list
BH-D10	1P	0.5, 1, 1.6	10	284.000
BH-D10	1P	2, 3, 4	10	257.000
BH-D10	1P	6	10	212.000
BH-D10	1P	10,13,16,20	10	154.000
BH-D10	1P	25,32	10	180.000
BH-D10	1P	40	10	205.000
BH-D10	1P	50	10	248.000
BH-D10	1P	63	10	276.000
BH-D10	2P	0.5, 1, 1.6	10	616.000
BH-D10	2P	2, 3, 4	10	586.000
BH-D10	2P	6	10	518.000
BH-D10	2P	10,13,16,20	10	385.000
BH-D10	2P	25,32	10	426.000
BH-D10	2P	40	10	498.000
BH-D10	2P	50	10	560.000
BH-D10	2P	63	10	588.000
BH-D10	3P	0.5, 1, 1.6	10	950.000
BH-D10	3P	2, 3, 4	10	896.000
BH-D10	3P	6	10	755.000
BH-D10	3P	10,13,16,20	10	616.000
BH-D10	3P	25,32	10	672.000
BH-D10	3P	40	10	751.000
BH-D10	3P	50	10	860.000
BH-D10	3P	63	10	911.000
BH-D10	4P	0.5, 1, 1.6	10	1.258.000
BH-D10	4P	2, 3, 4	10	1.176.000
BH-D10	4P	6	10	1.005.000
BH-D10	4P	10,13,16,20	10	811.000
BH-D10	4P	25, 32	10	896.000
BH-D10	4P	40	10	990.000
BH-D10	4P	50	10	1.125.000
BH-D10	4P	63	10	1.206.000

RCD/MCB (RCBO) 1PN

Tên hàng	Pha	In (A)	Dòng cắt / Dòng rò	Giá list
BV-DN	1PN	6	4.5KA 30/100/300mA	1.136.000
BV-DN	1PN	10, 16, 20		1.040.000
BV-DN	1PN	25, 32		1.247.000
BV-DN	1PN	40		1.433.000

RCCB Chống rò

Tên hàng	Pha	In (A)	Dòng rò	Giá list
BV-D	2P	25A	30mA / 300mA	1.420.000
BV-D	2P	40A	30mA / 300mA	1.440.000
BV-D	2P	63A	30mA / 300mA	1.735.000
BV-D	4P	25A	30mA / 300mA	2.299.000
BV-D	4P	40A	30mA / 300mA	2.332.000
BV-D	4P	63A	30mA / 300mA	3.022.000

* Giá chưa bao gồm VAT 10%

(Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)

CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES)				
Tên hàng	Tiếp điểm	Điện áp cuộn coil**	Chọn rơ le nhiệt	Giá List
S-T10	1a, 1b	100V/200V/400V	TH-T18 (0.12~9A)	351.000
S-T12	1a1b, 2a, 2b	100V/200V/400V	TH-T18 (0.12~11A)	421.000
S-T20	1a1b, 2a, 2b	100V/200V/400V	TH-T18 (0.12~15A)	628.000
S-T21	2a2b	100V/200V/400V	TH-T18 (0.24~22A)	718.000
S-T25	2a2b	100V/200V/400V		828.000
S-T32		100V/200V/400V	TH-T25 (024~22A) TH-T50 29A	748.000
S-T35	2a2b	100V/200V/400V		965.000
S-T50	2a2b	100V/200V/400V	TH-T25 (024~22A) TH-T50 (29~42A)	1.936.000
S-T65	2a2b	100V/200V/400V	TH-T65 (15~54A)	2.038.000
S-T80	2a2b	100V/200V/400V	TH-T65 (15~54A) TH-T100 67A	2.948.000
S-T100	2a2b	100V/200V/400V	TH-T65 (15~54A) TH-T100(67~82A)	3.374.000
S-N38		200V/400V		1.407.000
S-N48				1.979.000
S-N125	2a2b	200V/400V	TH-N120 (42~82A) TH-N120TA 105A	4.586.000
S-N150	2a2b	200V/400V	TH-N120 (42~82A) TH-N120TA (105~125A)	6.224.000
S-N180	2a2b	200V/400V	TH-N220RH (82~150A)	7.645.000
S-N220	2a2b	200V/400V	TH-N220RH (82~210A)	8.445.000
S-N300	2a2b	200V/400V	TH-N400RH (105~250A)	13.680.000
S-N400	2a2b	200V/400V	TH-N400RH (105~330A)	17.922.000
S-N600	2a2b	200V/400V	TH-N600 (250~500A)	42.849.000
S-N800	2a2b	200V/400V	TH-N600 (250~660A)	58.351.000

Khóa liên động cơ khí		
Tên hàng	Diễn giải	Giá List
UT-ML20	Dùng cho S-T10/12/20	551.000
UT-ML21	Dùng cho S-T21/32/35/50/65/80	487.000

Khối tiếp điểm phụ			
Tên hàng	Diễn giải		Giá List
UT-AX2	2a, 2b, 1a1b	Dùng cho S-T10/32/35/50	219.000
UT-AX4	2a2b, 4a, 3a1b	Dùng cho S-T10/32/35/50	381.000
UN-AX2	2a, 2b, 1a1b	Dùng cho S-T65/80	205.000
UN-AX4	2a2b, 4a, 3a1b	Dùng cho S-T65/80	360.000

**	Điện áp định mức (V)
AC100V	100-127
AC200V	200-240
AC400V	380-440

* Giá chưa bao gồm VAT 10% (Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)

Relay bảo vệ quá tải		
Tên hàng	Dòng tác động bảo vệ	Giá List
TH-T18	0.12(0.1-0.16)A, 0.17(0.14-0.22)A, 0.24(0.20-0.32)A,0.35(0.28-0.42)A, 0.5(0.4-0.6)A, 0.7(0.55-0.85)A, 0.9(0.7-1.1)A, 1.3(1-1.6)A, 1.7(4.1-2)A, 2.1(1.7-2.5)A, 2.5(2-3)A, 3.6(2.8-4.4)A, 5(4-6)A, 6.6(2.5-8)A, 9(7-11)A, 11(9-13)A	325.000
TH-T18	15(12-18)A	369.000
TH-T25	0.24(0.20-0.32)A,0.35(0.28-0.42)A, 0.5(0.4-0.6)A, 0.7(0.55-0.85)A, 0.9(0.7-1.1)A, 1.3(1-1.6)A, 1.7(4.1-2)A, 2.1(1.7-2.5)A, 2.5(2-3)A, 3.6(2.8-4.4)A, 5(4-6)A, 6.6(2.5-8)A, 9(7-11)A, 11(9-13)A, 15(12-18)A	369.000
TH-T25	22(18-26)A	414.000
TH-T50	29(24-34)A, 35(30-40)A, 42(34-50)A	459.000
TH-T65	15(12-18)A, 22(18-26)A, 29(24-34)A, 35(30-40)A, 42(34-50)A, 54(43-65)A	607.000
TH-T100	67(54-80)A, 82(65-100)A, 95(85-105)A	671.000
TH-N120	42(34-50)A, 54(43-65)A, 67(54-80)A, 82(65-100)A	948.000
TH-N120TA	105(85-125)A, 125(100-150)A	1.049.000
TH-N220RH	82(65-100)A, 105(85-125)A, 125(100-150)A, 150(120-180)A, 180(140-220)A, 210(170-250)A	2.308.000
TH-N400RH	105(85-125)A, 125(100-150)A, 150(120-180)A, 180(140-220)A, 250(200-300)A, 330(260-400)A	2.711.000
TH-N600	250(200-300)A, 330(260-400)A, 500(400-600)A, 660(520-800)A	607.000

Relay bảo vệ quá tải có bảo vệ mất pha		
Tên hàng	Dòng tác động bảo vệ	Giá List
TH-T18 KP	0.12/0.17/0.24/0.35/0.5/0.7/0.9 1.3/1.7/2.1/2.5/3.6/5/6.6/9/11A	473.000
TH-T18 KP	15	529.000
TH-T25 KP	0.24/0.35/0.5/0.7/0.9/1.3/1.7 2.1/2.5/3.6/5/6.6/9/11/15	529.000
TH-T25 KP	22	551.000
TH-T50 KP	29/35/42	614.000
TH-T65 KP	15/22/29/35/42/54	734.000
TH-T100 KP	67/82	885.000
TH-T100 KP	95	868.000
TH-N120 KP	42/54/67/82	1.365.000
TH-N120TA KP	105/125	1.355.000
TH-N220RH KP	82/105/125/150/180/210	3.169.000
TH-N400KPRH	105/125/150/180/250/330	3.252.000
TH-N600KP	250/330/500/660	885.000

CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

ACB Máy cắt hạ thế _ Tiêu chuẩn IEC-60947-2/BS/EN60947-2/VDE JIS C8201-2-1							
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá List	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá List
ACB Kiểu lắp cố định (Fixed type) _ 3Pha				ACB Kiểu kéo ngoài (Draw out type) _ 3Pha			
AE630-SW	630A	65	50.897.000	AE630-SW	630A	65	67.673.000
AE1000-SW	1000A	65	53.582.000	AE1000-SW	1000A	65	71.229.000
AE1250-SW	1250A	65	57.135.000	AE1250-SW	1250A	65	74.306.000
AE1600-SW	1600A	65	64.669.000	AE1600-SW	1600A	65	80.959.000
AE2000-SWA	2000A	65	73.610.000	AE2000-SWA	2000A	65	84.439.000
AE2000-SW	2000A	85/100	91.720.000	AE2000-SW	2000A	85/100	105.056.000
AE2500-SW	2500A	85/100	93.485.000	AE2500-SW	2500A	85/100	107.718.000
AE3200-SW	3200A	85/100	114.316.000	AE3200-SW	3200A	85/100	146.076.000
AE4000-SWA	4000A	85/100	182.810.000	AE4000-SWA	4000A	85/100	236.667.000
AE4000-SW	4000A	130	321.417.000	AE4000-SW	4000A	130	461.796.000
AE5000-SW	5000A	130	336.536.000	AE5000-SW	5000A	130	504.803.000
AE6300-SW	6300A	130	378.392.000	AE6300-SW	6300A	130	567.587.000
ACB Kiểu lắp cố định (Fixed type) _ 4Pha				ACB Kiểu kéo ngoài (Draw out type) _ 4Pha			
AE630-SW	630A	65	60.729.000	AE630-SW	630A	65	78.243.000
AE1000-SW	1000A	65	63.922.000	AE1000-SW	1000A	65	82.363.000
AE1250-SW	1250A	65	68.214.000	AE1250-SW	1250A	65	87.393.000
AE1600-SW	1600A	65	76.949.000	AE1600-SW	1600A	65	100.980.000
AE2000-SWA	2000A	65	86.361.000	AE2000-SWA	2000A	65	110.928.000
AE2000-SW	2000A	85/100	94.745.000	AE2000-SW	2000A	85/100	120.878.000
AE2500-SW	2500A	85/100	120.505.000	AE2500-SW	2500A	85/100	138.256.000
AE3200-SW	3200A	85/100	129.898.000	AE3200-SW	3200A	85/100	165.098.000
AE4000-SWA	4000A	85/100	265.746.000	AE4000-SWA	4000A	85/100	342.816.000
AE4000-SW	4000A	130	370.170.000	AE4000-SW	4000A	130	518.241.000
AE5000-SW	5000A	130	378.392.000	AE5000-SW	5000A	130	567.587.000
AE6300-SW	6300A	130	446.125.000	AE6300-SW	6300A	130	659.273.000

PHỤ KIỆN ACB		
AX	Tiếp điểm phụ	Giá list
AX-4-W	AX(2a2b)	3.098.000
AX-8-W	AX(4a4b)	3.203.000
AX-10-W	AX(5a5b)	6.207.000
HAX	Tiếp điểm phụ dung lượng cao	Giá List
HAX-2-W	HAX(1a1b)	4.850.000
HAX-4-W	HAX(2a2b)	6.301.000
HAX-6-W	HAX(3a3b)	7.757.000
HAX-8-W	HAX(4a4b)	9.210.000
HAX-10-W	HAX(5a5b)	10.667.000
SHT (Shuntrip)	Cuộn cắt	Giá List
SHT-AD250-W	SHT (100-250VAC/DC)	2.719.000
SHT-A500-W	SHT (380-500VAC)	4.659.000
SHT-D048-W	SHT (24-48VAC)	4.659.000

PHỤ KIỆN ACB		
UVT	Bảo vệ thấp áp	Giá list
UVT-D048B-W(INST)	UVT DC48V INST	15.511.000
UVT-D110B-W(INST)	UVT DC100-110V	
UVT-D125B-W(INST)	UVT DC120-125V	
UVT-A120B-W(INST)	UVT DC100-120V	
UVT-A240B-W(INST)	UVT AC200-240V	
UVT-D024B-W(05)	UVT DC24v 0.5s	
UVT-D048B-W(05)	UVT DC48V 0.5s	
UVT-D110B-W(05)	UVT DC100-110V 0.5s	
UVT-D125B-W(05)	UVT DC120-125V 0.5s	
UVT-A120B-W(05)	UVT AC100-120V 0.5s	
UVT-A240B-W(05)	UVT AC200-240V 0.5s	
UVT-D024B-W(30)	UVT DC24V 3s	
UVT-D048B-W(30)	UVT DC48V 3s	
UVT-D110B-W(30)	UVT DC100-110V 3s	

* Giá chưa bao gồm VAT 10% (Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)

CÔNG TY ĐIỆN
TUẤN LỘC PHÁT
Địa chỉ: 28/33 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP HCM
166/2 KP8A, P Tân Biên, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3989937 Hotline: 0902972700
Email: info@tuanlocphat.com Website: tuanlocphat.com

MITSUBISHI (01/04/2022)

PHỤ KIỆN ACB		
UVT	**Bảo vệ thấp áp**	**Giá list**
UVT-D125B-W(30)	UVT DC120-125V 3s	15.511.000
UVT-A120B-W(30)	UVT AC100-120V 3s	
UVT-A240B-W(30)	UVT 200-240V 3s	
UVT-A460B-W(30)	UVT AC380-460V 3s	25.017.000
UVT-A460B-W(INST)	UVT AC380-460V INST	
UVT-A460B-W(05)	UVT AC380-460V 0.5s	
MD	**Motor nạp lò xo**	**Giá list**
MD-AD125-W	MD(100-125V AC-DC)	12.607.000
MD-AD250-W	MD(200-250V AC-DC)	8.431.000
MD-AD125-634W	MD(100-125V AC-DC) for 4000-6300SW 4P	18.424.000
MD-AD250-634W	MD(200-250V AC-DC) for 4000-6300SW 4P	
MD-D024-W	MD(24V DC) for 3/4P ngoại trừ 4000SWA 4P	17.451.000
MD-D048-W	MD(48V DC) for 3/4P ngoại trừ 4000SWA 4P	
CC	**Cuộn đóng**	**Giá list**
CC-AD250-W	Closing coil (100-250V AC-DC)	3.203.000
CC-D48-W	Closing coil (24-48V DC)	6.596.000

PHỤ KIỆN ACB		
MI	**Khóa liên động cơ khí**	**Giá list**
2 ACB gắn với 2MI		
MI-203F-W	MI for 630SW-2000SWA 3P FX	8.729.000
MI-203D-W	MI for 630SW-2000SWA 3P D/O	
MI-403F-W	MI for 2000SW-4000SWA 3P FX	
MI-403D-W	MI for 2000SW-4000SWA 3P D/O	
MI-204F-W	MI for 630SW-2000SWA 4P FX	
MI-204D-W	MI for 630SW-2000SWA 4P D/O	
MI-404F-W	MI for 2000SW-4000SWA 4P FX	
MI-404D-W	MI for 2000SW-4000SWA 4P D/O	
MI-633F-W	MI for 4000SW-6300SWA 3P FX	15.511.000
MI-633D-W	MI for 4000SW-6300SWA 3P D/O	
MI-634HNF-W	MI for 4000SW-6300SWA 4P FX	
MI-634HND-W	MI for 4000SW-6300SWA 4P D/O	
MI-IW-W	MI Wire set for among 3 ACBs	6.494.000
BCL-W	BC-L Miếng che nút bấm	1.064.000
CNT-W	CNT- Bộ đếm	6.207.000

* Giá chưa bao gồm VAT 10% (Các thông số và giá có thể thay đổi mà không báo trước)